**Mẫu 1**

11/2014/TT-BKHCN

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội., ngày 20 tháng 11 năm 2018*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA**

**I. Thông tin chung về nhiệm vụ:**

***1. Tên nhiệm vụ, mã số:***

Tên nhiệm vụ: Nghiên cứu chọn tạo và phát triển giống lúa thuần năng suất và chất lượng cao phù hợp với các tỉnh phía Bắc, Duyên hải Nam TrungBộ.

Mã số nhiệm vụ: 52/G-2012/HĐ-ĐTĐL

Thuộc: Nhiệm vụ khoa học và công nghệ độc lập cấp quốc gia

***2. Mục tiêu nhiệm vụ***:

\* Mục tiêu chung:

+ Chọn tạo và phát triển được 04 giống lúa thuần ngắn ngày, năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh khá, phù hợp với điều kiện sinh thái của các tỉnh phía Bắc và Duyên hải Nam Trung Bộ.

+ Góp phần nâng cao hiệu quả của ngành sản xuất lúa gạo Việt Nam, đảm bảo an ninh lương thực Quốc gia.

+ Tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho nông dân trồng lúa.

\* Mục tiêu cụ thể:

+ Chọn tạo và phát triển được 04 giống lúa thuần trong đó có 2 giống công nhận là giống lúa mới chính thức và 02 giống công nhận sản xuất thử.

+ Xây dựng được quy trình duy trì, nhân giống và sản xuất giống cho các giống được công nhận (chất lượng hạt giống đạt QCVN 01-54:2011/BNNPTNT).

+ Xây dựng được quy trình kỹ thuật thâm canh cho các giống được công nhận.

+ Sản xuất được 2 tấn siêu nguyên chủng; 200 tấn nguyên chủng; 300 tấn xác nhận (đạt QCVN01-54:2011/BNNPTNT).

+ Tập huấn cho 800 lượt người ở 4 vùng: Đồng bằng sông Hồng, vùng núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.

***3. Chủ nhiệm nhiệm vụ***: KS. Đỗ Bá Vọng

***4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ***: Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương

***5. Tổng kinh phí thực hiện***: 11.000 triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 6.050 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: 4.950 triệu đồng.

***6.1. Thời gian thực hiện*** :84 tháng

Bắt đầu:Tháng 12 năm 2012

Kết thúc:Tháng 11 năm 2018

***7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Chức danh khoa học, học vị** | **Cơ quan công tác** |
| 1 | Đỗ Bá Vọng | KS. | Công ty CP Giống cây trồng Trung ương |
| 2 | Trần Duy Quý | GS.TSKH. | Viện Nghiên cứu hợp tác kỹ thuật châu Á Thái Bình Dương |
| 3 | Nguyễn Thị Trâm | PGS.TS. | Viện Nghiên cứu Lúa-Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội |
| 4 | Nguyễn Đình Trung | ThS. | Công ty CP Giống cây trồng Trung ương |
| 5 | Dương Quang Sáu | ThS. | Công ty CP Giống cây trồng Trung ương |
| 6 | Nguyễn Văn Thành | KS. | Công ty CP Giống cây trồng Trung ương |
| 7 | Vũ Đức Quang | PGS.TS. | Viện Nghiên cứu hợp tác kỹ thuật châu Á Thái Bình Dương |
| 8 | Bùi Huy Thủy | KS. | Viện Di truyền Nông nghiệp |
| 9 | Khuất Hữu Trung | PGS.TS. | Viện Di truyền Nông nghiệp |
| 10 | Kiều Thị Dung | ThS. | Viện Di truyền Nông nghiệp |

**II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

***1. Về sản phẩm khoa học:***

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng** | **Khối lượng** | **Chất lượng** |
| Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt |
| 1 | Báo cáo tổng kết đề tài |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 2 | Báo cáo tóm tắt đề tài |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 3 | Báo cáo định kỳ |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 4 | Bài báo (03) |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 5 | Thạc sỹ (03) |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 6 | 01 giống công nhận quốc gia cho vùng Đồng bằng sông Hồng |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 7 | 01 giống công nhận quốc gia cho vùng Duyên hải Nam Trung Bộ |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 8 | 01 giống công nhận sản xuất thử cho vùng Trung du miền núi phía Bắc |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 9 | 01 giống công nhận sản xuất thử cho vùng Bắc Trung Bộ |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 10 | Khảo nghiệm VCU quốc gia 08 dòng lúa mới |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng** | **Khối lượng** | **Chất lượng** |
|  |  | Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt | Xuất sắc | Đạt | Không đạt |
| 11 | 04 quy trình sản xuất giống cấp nguyên chủng của 04 giống lúa mới được công nhận |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 12 | 04 quy trình thâm canh của 04 giống lúa thuần mới được công nhận |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 13 | 20 mô hình trình diễn |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 14 | Tập huấn 800 lượt nông dân |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 15 | Bảo hộ 03 giống lúa mới |  | x |  |  | x |  |  | x |  |
| 16 | Sản xuất giống các cấp:+ 2 tấn siêu nguyên chủng.+ 200,46 tấn nguyên chủng.+ 301,19 tấn xác nhận. |  | x |  |  | x |  |  | x |  |

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm**  | **Thời gian dự kiến ứng dụng** | **Cơ quan dự kiến ứng dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Các cấp giống siêu nguyên chủng, nguyên chủng, xác nhận của 4 giống | 2018-2019 | Các tỉnh phía Bắc và Duyên hải Nam Trung Bộ |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

1.3.Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **SốTT** | **Tên sản phẩm**  | **Thời gian** **ứng dụng** | **Tên cơ quan** **ứng dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Giống lúa Thiên ưu 8 | 2015-2018 | Các địa phương thuộc các tỉnh phía Bắc và Duyên hải Nam Trung Bộ (trên 25 nghìn tấn) |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

***2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:***

Đề tài đã tạo ra 4 giống lúa mới cho 4 vùng sinh thái (Đồng bằng sông Hồng, Trung du miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ)

Các dòng giống lúa thuần mới triển vọng với tiềm năng năng suất cao, chất lượng và chống chịu sâu bệnh khá tham gia khảo nghiệm quốc gia.

***3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:***

3.1. Hiệu quả kinh tế

 Đề tài đã tạo ra 2 tấn lúa siêu nguyên chủng; 200 tấn lúa nguyên chủng và 300 tấn lúa xác nhận tương đương với khoảng 10.000 ha gieo cấy. Với năng suất của các giống lúa mới vượt khoảng 10% so với các giống đối chứng phổ biến như HT1, KD18 tức là từ 0,4-0,5 tấn/ha, quy ra tiền là : 10.000 ha x 0,45 tấn x 6,5 triệu đ/tấn bằng 292,5 tỷ đồng, do đó sẽ nâng cao giá trị của ngành sản xuất lúa lên trên 15% so với diện tích sản xuất các giống lúa phổ biến. Bên cạnh đó tính đến năm 2017 công ty đã bán trên 25 nghìn tấn lúa giống Thiên ưu 8 tại các tỉnh phía Bắc và Duyên hải Nam Trung Bộ thu về khoảng trên 700 tỷ đồng.

3.2. Hiệu quả xã hội

Đề tài đã tạo ra các giống lúa mới có năng suất, chất lượng, chống chịu sâu bệnh bổ sung vào cơ cấu gieo cấy cũng như nâng cao giá trị của ngành trồng lúa. Bên cạnh đó việc xây dựng kỹ thuật canh tác cho từng giống, từng vùng sinh thái cụ thể đã giúp nông dân tiếp cận với các biện pháp kỹ thuật canh tác tiên tiến nhất nhằn giảm tác động xấu của phân bón, thuốc bảo về thực vật tới môi trường.

Thông qua việc xây dựng 20 mô hình và các hội thảo đầu bờ đã đào tạo, tập huấn kỹ thuật canh tác canh tác cho 800 lượt nông dân tại các vùng sinh tháikhác nhau đã giúp cho bà con nông dân ở các vùng tham gia dự án có thêm kiến thức mới về trồng lúa theo chuỗi giá trị hàng hóa.

 Từ các hợp đồng gia công sản xuất tại Hà Nội, Hà Nam, Quảng Nam... đã giúp cho người dân nâng cao thu nhập cũng như có kiến thức trong việc sản xuất giống các cấp tạo thêm các điểm sản xuất giống cho công ty.

**III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ**

***1. Về tiến độ thực hiện:****(đánh dấu* ***√*** *vào ô tương ứng*):

|  |  |
| --- | --- |
| *- Nộp hồ sơ đúng hạn* | [x]  |
| *- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng* | [ ]  |
| *- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng* | [ ]  |

***2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ***:

 *- Xuất sắc* [ ]

 *- Đạt* [x]

 *- Không đạt* [ ]

Giải thích lý do:

Đề tài đáp ứng đầy đủ về số lượng, khối lượng và chất lượng theo Thuyết minh nhiệm vụ và Hợp đồng.

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ**(*Học hàm, học vị, Họ, tên và chữ ký*) | **THỦ TRƯỞNG****TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ** (*Họ, tên, chữ ký và đóng dấu*) |
|  |  |
| **KS. Đỗ Bá Vọng** | **Trần Kim Liên** |